HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:11/2022/NQ-HĐND	*Yên Bái, ngày 22 tháng 6 năm 2022*

NGHỊ QUYẾT
Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Yên Bái

Người ký: Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND
Email: vpddbqh_hdnd@yenbai.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Yên Bái
Thời gian ký: 07.07.2022 14:17:07 +07:00

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI
KHÓA XIX - KỲ HỌP THỨ 6

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội khóa XV về việc phê duyệt chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 263/2022/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách

trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Xét Tờ trình số 34/TTr-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc đề nghị ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Yên Bái; Báo cáo thẩm tra số 48/BC-KTNS ngày 20 tháng 6 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Yên Bái (sau đây gọi tắt là Chương trình).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân sử dụng kinh phí của Chương trình.

2. Cơ quan, tổ chức tham gia hoặc có liên quan đến lập, thực hiện kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình.

Điều 3. Nguyên tắc phân bổ vốn ngân sách trung ương

1. Nguồn vốn ngân sách trung ương phân bổ cho các cơ quan, địa phương thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; bảo đảm tính công bằng, công khai, minh bạch và phải tuân thủ theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững; bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các cơ quan và các cấp chính quyền địa phương.

3. Ưu tiên hỗ trợ cho các xã, các huyện chưa đạt chuẩn nông thôn mới; các xã đạt dưới 15 tiêu chí. Hỗ trợ các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới tiếp tục hoàn thiện các tiêu chí nông thôn mới đã đạt chuẩn nhưng mức đạt chuẩn của một số chỉ tiêu còn chưa cao để nâng cao chất lượng các tiêu chí và bảo đảm bền vững. Các địa phương chủ động cân đối nguồn vốn ngân sách địa phương và huy động các nguồn lực hợp pháp để thực hiện mục tiêu đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu.

4. Bố trí vốn ngân sách trung ương thực hiện các chương trình chuyên đề được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; thực hiện công tác quản lý chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức triển khai các nội dung thành phần của Chương trình, các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Căn cứ tổng mức vốn được hỗ trợ từ ngân sách trung ương và điều kiện thực tế của từng địa phương, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố xây dựng mục tiêu, nhiệm vụ, phương án phân bổ vốn. Thực hiện đồng bộ các biện pháp quản lý, tăng cường lồng ghép nguồn vốn từ các chương trình, chính sách, đề án giai đoạn 2021 - 2025 đang triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh để tổ chức thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình đảm bảo không chồng chéo, trùng lặp về phạm vi, đối tượng đầu tư với Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

Điều 4. Tiêu chí, hệ số phân bổ vốn ngân sách trung ương năm 2021 (chuyển sang thực hiện trong năm 2022)

Tiêu chí, hệ số phân bổ theo đối tượng xã: Hệ số phân bổ vốn ngân sách trung ương cho các xã thực hiện Chương trình (căn cứ số xã tính đến hết năm 2021) như sau:

a) Xã đặc biệt khó khăn: Hệ số 4,0;

b) Các xã đạt từ 15 tiêu chí trở lên: Hệ số 1,3;

c) Các xã còn lại, không thuộc đối tượng ưu tiên nêu trên (bao gồm cả các xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, để tiếp tục nâng cao chất lượng các tiêu chí và đạt chuẩn bền vững): Hệ số 1,0.

Điều 5. Tiêu chí, hệ số phân bổ vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2022 - 2025

1. Tiêu chí, hệ số phân bổ theo đối tượng xã: Hệ số phân bổ vốn ngân sách trung ương cho các xã thực hiện Chương trình (căn cứ số xã tính đến hết năm 2021, trừ các xã đặc biệt khó khăn) như sau:

a) Xã đạt dưới 15 tiêu chí: Hệ số 5,0;

b) Xã đạt từ 15 đến 18 tiêu chí: Hệ số 3,0;

c) Xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới: Hệ số 1,0.

2. Tiêu chí, hệ số phân bổ theo đối tượng huyện:

Hỗ trợ huyện Yên Bình và huyện Văn Yên để tập trung hoàn thành các tiêu chí huyện nông thôn mới và phấn đấu đạt chuẩn giai đoạn 2021 - 2025: Hệ số 20,0.

Điều 6. Định mức, cơ chế hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện nội dung xây dựng nông thôn mới

1. Đối với vốn đầu tư phát triển

a) Đối với công trình đầu tư cho các xã

- Đối với nguồn vốn ngân sách trung ương năm 2021 (chuyển sang thực hiện năm 2022) được tiếp tục thực hiện theo cơ chế hỗ trợ như giai đoạn 2016 - 2020;

- Đối với nguồn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2022 - 2025, thực hiện theo cơ chế hỗ trợ:

Xây dựng và nâng cấp đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ xóm, giao thông nội đồng: Về quy mô, tiêu chuẩn kỹ thuật: Thực hiện theo Nghị quyết số 73/2020/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái về thông qua Đề án phát triển giao thông nông thôn giai đoạn 2021 - 2025; Nghị quyết số 79/2021/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái về sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 73/2020/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái về thông qua Đề án phát triển giao thông nông thôn giai đoạn 2021 - 2025 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có). Về cơ chế hỗ trợ đầu tư: Hỗ trợ 100% trong tổng giá trị hỗ trợ từ ngân sách nhà nước từ nguồn vốn ngân sách trung ương của chương trình;

Xây dựng và nâng cấp đường trục chính đến trung tâm xã, liên xã; hệ thống thủy lợi nội đồng; hạ tầng thiết yếu phục vụ phòng chống thiên tai của xã; trường học; trạm y tế xã; hệ thống lưới điện nông thôn; các công trình cấp nước sinh hoạt: Nguồn vốn ngân sách trung ương hỗ trợ tối đa 95%; nguồn vốn ngân sách cấp huyện, cấp xã và nguồn vốn huy động hợp pháp khác đối ứng tối thiểu 5%;

Xây dựng hạ tầng các khu sản xuất tập trung, tiểu thủ công nghiệp, thủy sản; trung tâm thể thao, nhà văn hóa xã, khu thể thao, nhà văn hóa thôn, bản; cơ sở hạ tầng bảo vệ môi trường nông thôn; cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, chợ an toàn thực phẩm cấp xã theo quy định; công trình khác thuộc Chương trình: Nguồn vốn ngân sách trung ương hỗ trợ tối đa 90%; nguồn vốn ngân sách cấp huyện, cấp xã và nguồn vốn huy động hợp pháp khác đối ứng tối thiểu 10%;

b) Đối với công trình đầu tư cho huyện phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới: Nguồn vốn ngân sách trung ương hỗ trợ tối đa 70%; nguồn vốn ngân sách tỉnh đối ứng tối thiểu 15%, ngân sách cấp huyện đối ứng tối thiểu 15%.

2. Đối với vốn sự nghiệp: Hằng năm, căn cứ các quy định, hướng dẫn thực hiện Chương trình, giao Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng phương án phân bổ kinh phí hỗ trợ cụ thể cho các cấp (huyện, xã), các ngành để triển khai hiệu quả nguồn vốn được giao và hoàn thành các mục tiêu theo thứ tự ưu tiên được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 6 Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 7. Vốn đối ứng của ngân sách địa phương

1. Ngân sách tỉnh, ngân sách cấp huyện, cấp xã bố trí vốn đối ứng trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm tối thiểu 5% tổng vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình. Các cơ quan, đơn vị được giao thực hiện các dự án, tiểu dự án thuộc ngân sách cấp nào thì cấp đó bố trí vốn đối ứng.

2. Ngân sách tỉnh đối ứng tối thiểu 5% tổng vốn sự nghiệp trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình.

3. Đối với cấp huyện không thực hiện đối ứng trong năm kế hoạch theo quy định, khi phân bổ kế hoạch vốn năm sau sẽ giảm trừ số vốn ngân sách trung ương tương ứng với số vốn đối ứng còn thiếu của huyện đó. Trường hợp các huyện, thị xã, thành phố gặp khó khăn không cân đối đủ nguồn vốn để bố trí đối ứng theo quy định, giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái khóa XIX - Kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 22 tháng 6 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 7 năm 2022./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Ban pháp chế HĐND tỉnh (tự kiểm tra văn bản);
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh (đăng Công báo);
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Tạ Văn Long